



yì àn
议案

noun · bill; proposal

Example Sentences

Yì huì zhèng zài tāo lùn zhè xiàng xīn yì àn
议会正在讨论这项新议案。

The parliament is discussing this new bill.

Zhè xiàng yì àn huò dé le duō shù zhī chí
这项议案获得了多数支持。

This bill received majority support.

Trace each character, then write the word on your own.

议	议	议	议	议	议	议	议				
案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案
案	案										